

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Quy định quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn tỉnh Phú Yên

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN

*Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;
Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản quy
phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;
Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;
Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17
tháng 6 năm 2020;
Căn cứ Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 20 tháng 6 năm 2012;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành
chính ngày 13 tháng 11 năm 2020;
Căn cứ Nghị định số 26/2013/NĐ-CP ngày 29 tháng 3 năm 2013 của
Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Thanh tra ngành Xây dựng;
Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2021 của
Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;
Căn cứ Nghị định số 09/2019/NĐ-CP ngày 24 tháng 01 năm 2019 của
Chính phủ quy định về chế độ báo cáo của cơ quan hành chính nhà nước;
Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 01/TTr-SXD
ngày 07 tháng 01 năm 2022.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn tỉnh Phú Yên.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày tháng năm 2022.

1. Thay thế Quyết định số 24/2017/QĐ-UBND ngày 26 tháng 6 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên về Ban hành Quy chế phối hợp quản lý trật

tự xây dựng trên địa bàn tỉnh Phú Yên; Quyết định số 28/2019/QĐ-UBND ngày 25 tháng 7 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên về Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế phối hợp quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn tỉnh Phú Yên, ban hành kèm theo Quyết định số 24/2017/QĐ-UBND ngày 26 tháng 6 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên.

2. Thay thế Phụ lục IV và điểm 3 của Phụ lục I ban hành kèm theo Quyết định số 21/2020/QĐ-UBND ngày 13 tháng 8 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên về Ban hành Quy định chế độ báo cáo định kỳ phục vụ mục tiêu quản lý trên địa bàn tỉnh Phú Yên, bằng Biểu mẫu ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Xây dựng; Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn; Chánh Thanh tra Sở Xây dựng; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Vụ pháp chế - Bộ Xây dựng;
- Cục Kiểm tra Văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- TT. Tỉnh ủy, TT. HĐND tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Trung tâm Truyền thông - VPUBND tỉnh;
- Báo Phú Yên, Đài PTTH tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Công thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, Phg, Ph_{1.009(2022)}.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Tấn Hồ

QUY ĐỊNH

Quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn tỉnh Phú Yên
(Ban hành kèm theo Quyết định số: /2022/QĐ-UBND
ngày tháng năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định các nguyên tắc chung quản lý và phối hợp quản lý trật tự xây dựng; đối tượng, nội dung, hình thức, thẩm quyền, trách nhiệm quản lý và phối hợp quản lý trật tự xây dựng; trách nhiệm khi tham gia hoạt động đầu tư, xây dựng; thẩm quyền tiếp nhận thông báo khởi công kèm theo hồ sơ thiết kế xây dựng đối với trường hợp được miễn giấy phép xây dựng theo quy định; nội dung, chế độ, thời gian báo cáo công tác quản lý trật tự xây dựng.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan được phân cấp, ủy quyền quản lý trật tự xây dựng; cơ quan, đơn vị có trách nhiệm tham gia phối hợp quản lý trật tự xây dựng; tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động đầu tư, xây dựng trên địa bàn tỉnh Phú Yên.

Điều 3. Nguyên tắc chung

1. Việc quản lý trật tự xây dựng phải được thực hiện ngay từ khi công trình xây dựng khởi công đến khi hoàn thành và đưa vào sử dụng theo quy định của pháp luật về xây dựng. Vi phạm về trật tự xây dựng phải được phát hiện kịp thời, ngăn chặn và xử lý ngay từ khi mới phát sinh, đảm bảo đúng quy trình, công khai, minh bạch. Mọi hậu quả do vi phạm hành chính gây ra phải được khắc phục triệt để theo quy định của pháp luật.

2. Công tác quản lý phải tuân thủ chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định của pháp luật, không chồng chéo, đùn đẩy, né tránh trách nhiệm trong hoạt động kiểm tra, xử lý vi phạm. Những vướng mắc phát sinh trong quá trình phối hợp phải được bàn bạc, thống nhất trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn được pháp luật quy định và phân công nhiệm vụ tại Quy định này. Trường hợp không thống nhất được hướng giải quyết, Sở Xây dựng có trách nhiệm báo cáo, đề xuất UBND tỉnh xem xét quyết định.

3. Cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân được giao nhiệm vụ quản lý, phối hợp quản lý trật tự xây dựng nhưng thiếu tinh thần trách nhiệm trong thực thi công vụ, buông lỏng quản lý hoặc có dấu hiệu bao che, tiếp tay cho các đối

tượng vi phạm trật tự xây dựng thì tùy theo tính chất, mức độ sai phạm sẽ bị xử lý hành chính, xử lý kỷ luật theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức, viên chức hoặc pháp luật về hình sự, trường hợp gây thiệt hại vật chất phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

Chương II **QUY ĐỊNH CỤ THỂ**

Điều 4. Đối tượng, nội dung và hình thức quản lý trật tự xây dựng

1. Đối tượng quản lý trật tự xây dựng là tất cả công trình xây dựng, nhà ở riêng lẻ theo quy định của pháp luật về xây dựng, được xây dựng mới hoặc sửa chữa, cải tạo; không phân biệt nguồn vốn sử dụng và hình thức đầu tư, chuyên ngành quản lý và loại công trình xây dựng theo từng chuyên ngành quản lý.

2. Nội dung quản lý trật tự xây dựng theo quy định tại khoản 2 Điều 56 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ.

3. Hình thức quản lý trật tự xây dựng được thực hiện thông qua công tác thanh tra, kiểm tra thường xuyên, theo kế hoạch hoặc đột xuất của cơ quan quản lý nhà nước.

Điều 5. Phân cấp, ủy quyền quản lý trật tự xây dựng

1. Ủy quyền Sở Xây dựng quản lý trật tự xây dựng đối với các công trình:

a) Công trình xây dựng thuộc dự án do Thủ trưởng các cơ quan Trung ương quyết định đầu tư trên địa bàn tỉnh;

b) Công trình xây dựng thuộc dự án đầu tư xây dựng do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định đầu tư hoặc ủy quyền Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư quyết định đầu tư;

c) Công trình xây dựng thuộc dự án, nhà ở riêng lẻ do Sở Xây dựng cấp phép xây dựng theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh;

d) Công trình xây dựng thuộc dự án (có quy mô từ cấp II trở lên) do Sở Xây dựng thẩm định thiết kế xây dựng, được miễn giấy phép xây dựng theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 89 của Luật Xây dựng năm 2014 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 30 Điều 1 của Luật số 62/2020/QH14;

đ) Công trình xây dựng, nhà ở riêng lẻ xây dựng nằm trên địa giới hành chính từ hai huyện, thị xã, thành phố trở lên.

2. Ủy quyền Ban Quản lý Khu kinh tế Phú Yên; Ban Quản lý Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Phú Yên quản lý trật tự xây dựng đối với các công trình xây dựng thuộc phạm vi quản lý (trừ nhà ở riêng lẻ), cụ thể: Ban Quản lý Khu kinh tế Phú Yên đối với các công trình được đầu tư xây dựng tại các Khu công nghiệp, các Khu chức năng của Khu kinh tế Phú Yên được giao

quản lý (trừ Khu đô thị Nam thành phố Tuy Hòa, các đô thị và các khu dân cư thuộc thị xã Đông Hòa); Ban Quản lý Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Phú Yên đối với các công trình được đầu tư xây dựng tại Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Phú Yên được giao quản lý.

3. Phân cấp Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố (sau đây gọi tắt là Ủy ban nhân dân cấp huyện) quản lý trật tự xây dựng đối với các công trình:

a) Công trình xây dựng thuộc dự án do Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định đầu tư theo phân cấp của Ủy ban nhân dân tỉnh;

b) Công trình xây dựng thuộc dự án, nhà ở riêng lẻ do Ủy ban nhân dân cấp huyện cấp phép xây dựng theo phân cấp của Ủy ban nhân dân tỉnh;

c) Công trình xây dựng thuộc dự án (có quy mô từ cấp III xuống) do Sở Xây dựng hoặc Cơ quan được giao quản lý xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện thẩm định thiết kế xây dựng, được miễn giấy phép xây dựng theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 89 của Luật Xây dựng năm 2014 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 30 Điều 1 của Luật số 62/2020/QH14;

d) Công trình xây dựng được miễn giấy phép xây dựng theo quy định tại điểm c, d (trừ nhà ở riêng lẻ) và đ khoản 2 Điều 89 của Luật Xây dựng năm 2014 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 30 Điều 1 của Luật số 62/2020/QH14;

đ) Công trình xây dựng, nhà ở riêng lẻ xây dựng nằm trên địa giới hành chính từ hai xã, phường, thị trấn trở lên;

e) Công trình xây dựng không có giấy phép xây dựng mà theo quy định phải có giấy phép xây dựng hoặc chưa được cơ quan có thẩm quyền thẩm định, quyết định đầu tư đối với công trình được miễn giấy phép xây dựng theo quy định tại khoản 2 Điều 89 của Luật xây dựng năm 2014 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 30 Điều 1 của Luật số 62/2020/QH14 (trừ công trình bí mật nhà nước);

g) Các công trình khác không thuộc quy định tại khoản 1, 2 và 4 Điều này.

4. Phân cấp Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (sau đây gọi tắt là Ủy ban nhân dân cấp xã) quản lý trật tự xây dựng đối với các công trình:

a) Công trình xây dựng thuộc dự án do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định đầu tư theo phân cấp của Ủy ban nhân dân tỉnh;

b) Nhà ở riêng lẻ xây dựng không có giấy phép xây dựng mà theo quy định phải có giấy phép xây dựng;

c) Nhà ở riêng lẻ nông thôn, miền núi thuộc đối tượng được miễn giấy phép xây dựng theo quy định tại điểm i khoản 2 Điều 89 của Luật Xây dựng năm 2014 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 30 Điều 1 của Luật số 62/2020/QH14;

d) Nhà ở riêng lẻ được miễn giấy phép xây dựng theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 89 của Luật Xây dựng năm 2014 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 30 Điều 1 của Luật số 62/2020/QH14.

Điều 6. Trách nhiệm của cơ quan có thẩm quyền quản lý nhà nước về trật tự xây dựng

1. Trách nhiệm của Sở Xây dựng:

a) Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo, điều hành chung công tác quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn tỉnh;

b) Tổ chức theo dõi, tổng hợp thông tin về tình hình khởi công xây dựng các công trình trên địa bàn tỉnh (không phân biệt nguồn vốn, chuyên ngành quản lý, quy mô, loại và cấp công trình);

c) Theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, hướng dẫn các cơ quan, đơn vị và địa phương quản lý trật tự xây dựng theo nhiệm vụ được giao;

d) Tổ chức quản lý trật tự xây dựng đối với các công trình xây dựng được Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền tại khoản 1 Điều 5 của Quy định này;

đ) Thanh tra, kiểm tra trách nhiệm quản lý nhà nước về trật tự xây dựng của các cơ quan, đơn vị và địa phương theo thẩm quyền được pháp luật quy định;

e) Tham mưu, đề xuất cho Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện các biện pháp cần thiết theo thẩm quyền để ngăn chặn, xử lý, khắc phục tình hình vi phạm trật tự xây dựng trên địa bàn tỉnh;

g) Định kỳ 06 tháng, hằng năm tổ chức đánh giá tình hình trật tự xây dựng trên địa bàn tỉnh, để có biện pháp chấn chỉnh, khắc phục các tồn tại, hạn chế, khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện;

h) Kịp thời đề xuất biểu dương, khen thưởng các tổ chức, cá nhân có thành tích xuất sắc trong công tác quản lý trật tự xây dựng;

i) Báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét trách nhiệm của Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và địa phương khi để xảy ra vi phạm trật tự xây dựng mà không xử lý hoặc xử lý không kịp thời, dứt điểm;

k) Báo cáo định kỳ hoặc đột xuất cho Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Xây dựng về tình hình khởi công xây dựng và trật tự xây dựng các công trình trên địa bàn tỉnh.

2. Trách nhiệm của Ban Quản lý Khu kinh tế Phú Yên, Ban Quản lý Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Phú Yên:

a) Tổ chức theo dõi tình hình khởi công xây dựng và quản lý trật tự xây dựng đối với các công trình xây dựng được Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền tại khoản 2 Điều 5 của Quy định này và gửi kết quả kiểm tra về Sở Xây dựng để theo dõi. Trường hợp phát hiện công trình xây dựng vi phạm quy định về trật tự xây dựng, phải phối hợp với Sở Xây dựng kịp thời xử lý theo quy định của pháp luật;

b) Báo cáo định kỳ hoặc đột xuất cho Ủy ban nhân dân tỉnh (thông qua Sở Xây dựng) về tình hình khởi công xây dựng và trật tự xây dựng các công trình thuộc phạm vi được ủy quyền quản lý.

3. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện:

- a) Chỉ đạo, điều hành chung công tác quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn;
- b) Tổ chức theo dõi, tổng hợp thông tin về tình hình khởi công xây dựng các công trình trên địa bàn (không phân biệt nguồn vốn, chuyên ngành quản lý, quy mô, loại và cấp công trình);
- c) Theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, hướng dẫn các cơ quan, đơn vị và địa phương quản lý trật tự xây dựng theo nhiệm vụ được giao;
- d) Tổ chức quản lý trật tự xây dựng đối với các công trình xây dựng được Ủy ban nhân dân tỉnh phân cấp tại khoản 3 Điều 5 của Quy định này;
- đ) Thanh tra, kiểm tra trách nhiệm quản lý nhà nước về trật tự xây dựng của cơ quan, đơn vị và địa phương theo thẩm quyền được pháp luật quy định;
- e) Định kỳ hàng quý tổ chức đánh giá tình hình trật tự xây dựng trên địa bàn quản lý, để có biện pháp chấn chỉnh, khắc phục các tồn tại, hạn chế, khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện;
- g) Kịp thời biểu dương, khen thưởng các tổ chức, cá nhân có thành tích xuất sắc trong công tác quản lý trật tự xây dựng theo thẩm quyền;
- h) Xem xét, xử lý trách nhiệm tập thể, cá nhân trực thuộc để xảy ra vi phạm trật tự xây dựng trên địa bàn mà không xử lý hoặc xử lý không kịp thời, dứt điểm;
- i) Kiến nghị Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét giải quyết kịp thời các vấn đề tồn tại, hạn chế, khó khăn, vướng mắc vượt quá thẩm quyền giải quyết của địa phương;
- k) Báo cáo định kỳ hoặc đột xuất cho Ủy ban nhân dân tỉnh (thông qua Sở Xây dựng) về tình hình khởi công xây dựng và trật tự xây dựng các công trình trên địa bàn quản lý.

4. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã:

- a) Tổ chức theo dõi, tổng hợp thông tin về tình hình khởi công xây dựng các công trình trên địa bàn (không phân biệt nguồn vốn, chuyên ngành quản lý, quy mô, loại và cấp công trình).

Khi phát hiện công trình xây dựng đã khởi công nhưng chủ đầu tư chưa thông báo cho cơ quan quản lý nhà nước theo quy định, phải báo cáo ngay (trong vòng 24 giờ) cho cơ quan được giao quản lý xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, cấp huyện (trừ nhà ở riêng lẻ chỉ báo cáo cho Ủy ban nhân dân cấp huyện) theo dõi, quản lý;

b) Thường xuyên đôn đốc, kiểm tra tình hình quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn;

c) Tổ chức quản lý trật tự xây dựng đối với các công trình xây dựng được Ủy ban nhân dân tỉnh phân cấp tại khoản 4 Điều 5 của Quy định này;

d) Định kỳ hằng tháng tổ chức đánh giá tình hình trật tự xây dựng trên địa bàn quản lý, để có biện pháp chấn chỉnh, khắc phục các tồn tại, hạn chế, khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện;

đ) Kịp thời biểu dương, khen thưởng các tổ chức, cá nhân có thành tích xuất sắc trong công tác quản lý trật tự xây dựng theo thẩm quyền;

e) Xem xét, xử lý trách nhiệm cá nhân trực thuộc để xảy ra vi phạm trật tự xây dựng trên địa bàn mà không xử lý hoặc xử lý không kịp thời, dứt điểm;

g) Kiến nghị Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét giải quyết kịp thời các vấn đề tồn tại, hạn chế, khó khăn, vướng mắc vượt quá thẩm quyền giải quyết của địa phương;

h) Báo cáo định kỳ hoặc đột xuất cho Ủy ban nhân dân cấp huyện (thông qua Cơ quan được giao quản lý xây dựng trực thuộc) về tình hình khởi công xây dựng và trật tự xây dựng các công trình trên địa bàn quản lý.

5. Thanh tra Sở Xây dựng thực hiện trách nhiệm quản lý trật tự xây dựng theo quy định của pháp luật và sự phân công của Sở Xây dựng.

6. Cơ quan được giao quản lý xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện trách nhiệm quản lý trật tự xây dựng theo sự phân công của Ủy ban nhân dân cùng cấp.

Điều 7. Trách nhiệm của người có thẩm quyền quản lý nhà nước về trật tự xây dựng

1. Thủ trưởng các cơ quan quản lý nhà nước về trật tự xây dựng có trách nhiệm chỉ đạo thực hiện các quy định thuộc phạm vi trách nhiệm của đơn vị theo Quy định này; chịu trách nhiệm về tình hình vi phạm trật tự xây dựng theo phạm vi, trách nhiệm được giao; xử lý các cán bộ dưới quyền được phân công quản lý trật tự xây dựng để xảy ra vi phạm trên địa bàn mà không xử lý hoặc xử lý không kịp thời, dứt điểm.

2. Người có thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính theo pháp luật về xử lý vi phạm hành chính có trách nhiệm áp dụng các biện pháp cần thiết theo thẩm quyền để ngăn chặn, xử lý, khắc phục vi phạm trật tự xây dựng theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính và phân công nhiệm vụ tại Quy định này; chịu trách nhiệm về vi phạm trật tự xây dựng nếu không thực hiện đúng thẩm quyền theo quy định.

3. Cán bộ, công chức, người được giao nhiệm vụ quản lý trật tự xây dựng:

a) Kiểm tra, phát hiện và có biện pháp xử lý kịp thời vi phạm trật tự xây dựng thuộc thẩm quyền hoặc báo cáo, tham mưu cho người có thẩm quyền xử lý kịp thời những vi phạm trật tự xây dựng thuộc địa bàn được giao quản lý;

b) Chịu trách nhiệm trực tiếp hoặc gián tiếp về vi phạm trật tự xây dựng xảy ra trên địa bàn được giao quản lý mà không phát hiện hoặc phát hiện nhưng không tham mưu xử lý kịp thời, dứt điểm.

Điều 8. Trách nhiệm phối hợp quản lý trật tự xây dựng

1. Cơ quan quản lý đất đai các cấp có trách nhiệm quản lý đất đai tại những khu vực chưa có quy hoạch xây dựng; khu vực đất công, đất nông nghiệp, lâm nghiệp, đất 5%, để xử lý kịp thời các hành vi xây dựng vi phạm pháp luật về đất đai. Trường hợp phát hiện công trình xây dựng vi phạm pháp luật về trật tự xây dựng, phải phối hợp với cơ quan có thẩm quyền quản lý trật tự xây dựng theo Điều 5 của Quy định này xử lý kịp thời theo quy định của pháp luật.

2. Cơ quan quản lý chất lượng công trình xây dựng theo quy định của pháp luật về xây dựng (gồm: Các cơ quan được giao quản lý xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, cấp huyện; Ban Quản lý Khu kinh tế; Ban Quản lý Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao) có trách nhiệm quản lý chất lượng công trình xây dựng, kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng theo quy định của pháp luật và phân cấp, ủy quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh. Trường hợp phát hiện công trình xây dựng vi phạm pháp luật về trật tự xây dựng, phải phối hợp với cơ quan có thẩm quyền quản lý trật tự xây dựng theo Điều 5 của Quy định này để xử lý kịp thời theo quy định của pháp luật.

3. Cơ quan quản lý các khu vực theo quy định tại khoản 3 Điều 12 của Luật Xây dựng năm 2014 có trách nhiệm quản lý việc xây dựng trong khu vực mình quản lý. Trường hợp phát hiện công trình xây dựng vi phạm pháp luật về trật tự xây dựng, phải phối hợp với cơ quan có thẩm quyền quản lý trật tự xây dựng theo Điều 5 của Quy định này để xử lý kịp thời theo quy định của pháp luật.

Điều 9. Trách nhiệm phối hợp xử lý vi phạm về trật tự xây dựng

1. Cơ quan có thẩm quyền quản lý trật tự xây dựng theo Điều 5 của Quy định này có trách nhiệm phối hợp xử lý các vi phạm về trật tự xây dựng theo đề nghị của các cơ quan quy định tại Điều 8 của Quy định này.

2. Cơ quan cấp phép xây dựng theo phân cấp, ủy quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm thu hồi, hủy giấy phép xây dựng do mình cấp theo quy định tại Điều 101 của Luật Xây dựng năm 2014.

3. Cơ quan Công an:

a) Chỉ đạo công tác bảo đảm an ninh trật tự trong quá trình thi hành quyết định cưỡng chế, thi hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về trật tự xây

dụng của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp hoặc quyết định cưỡng chế của các cơ quan nhà nước khác khi được yêu cầu;

b) Khi tham gia phối hợp kiểm tra, cưỡng chế, lực lượng Công an có trách nhiệm ngăn chặn các hành vi gây rối, chống người thi hành công vụ, bảo đảm trật tự, an toàn và xử lý theo quy định của pháp luật.

4. Các cơ quan, đơn vị và địa phương các cấp có trách nhiệm thực hiện các biện pháp cần thiết theo thẩm quyền được pháp luật quy định để ngăn chặn, xử lý, khắc phục các vi phạm về trật tự xây dựng khi được yêu cầu.

Điều 10. Trách nhiệm phối hợp thi hành các quyết định xử lý vi phạm hành chính về trật tự xây dựng

1. Phối hợp thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính:

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức thi hành các quyết định xử phạt vi phạm hành chính do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã ban hành và do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện phân công thực hiện;

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức thi hành các quyết định xử phạt vi phạm hành chính do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành và do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phân công thực hiện;

c) Chánh Thanh tra Sở Xây dựng tổ chức thi hành các quyết định xử phạt vi phạm hành chính do Chánh Thanh tra Sở Xây dựng ban hành và tham mưu cho Giám đốc Sở Xây dựng tổ chức thi hành các quyết định xử phạt vi phạm hành chính do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phân công thực hiện.

2. Phối hợp thi hành quyết định cưỡng chế phá dỡ công trình xây dựng vi phạm:

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức thực hiện cưỡng chế phá dỡ tất cả công trình xây dựng vi phạm trên địa bàn theo quyết định cưỡng chế của người có thẩm quyền;

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện chỉ đạo, đôn đốc, kiểm tra, hướng dẫn, hỗ trợ Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức thực hiện cưỡng chế phá dỡ tất cả công trình xây dựng vi phạm trên địa bàn theo quyết định cưỡng chế của người có thẩm quyền. Tổ chức thực hiện cưỡng chế phá dỡ đối với công trình xây dựng vi phạm có quy mô và tính chất phức tạp, vượt quá khả năng tổ chức thực hiện của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã. Kiến nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo tổ chức thực hiện cưỡng chế phá dỡ các công trình xây dựng vi phạm trên địa bàn vượt quá khả năng tổ chức thực hiện của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện;

c) Giám đốc Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp Thủ trưởng các cơ quan, ban, ngành tỉnh tham mưu cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện

cưỡng chế phá dỡ các công trình xây dựng vi phạm vượt quá khả năng tổ chức thực hiện của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện.

3. Thủ trưởng các sở, ban, ngành liên quan có trách nhiệm phối hợp với Chánh Thanh tra Sở Xây dựng và Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã tổ chức thi hành các quyết định xử lý vi phạm hành chính đối với công trình xây dựng vi phạm thuộc phạm vi, thẩm quyền quản lý.

4. Các tổ chức tín dụng trên địa bàn tỉnh có trách nhiệm phối hợp thi hành quyết định cưỡng chế nộp tiền phạt của người có thẩm quyền theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 88 của Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 được sửa đổi, bổ sung tại điểm c khoản 45 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2020.

Điều 11. Trách nhiệm của chủ đầu tư và tổ chức, cá nhân hoạt động xây dựng trên địa bàn tỉnh

Chủ đầu tư và tổ chức, cá nhân hoạt động đầu tư, xây dựng trên địa bàn tỉnh có trách nhiệm tuân thủ quy định pháp luật về trật tự xây dựng. Trường hợp vi phạm thì tùy theo tính chất, mức độ sẽ bị xử lý vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hành sự, nếu gây thiệt hại vật chất phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

Điều 12. Trách nhiệm cung cấp thông tin phục vụ quản lý trật tự xây dựng

1. Cơ quan quyết định đầu tư, cấp phép xây dựng theo phân cấp, ủy quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm gửi quyết định phê duyệt dự án, giấy phép xây dựng cho cơ quan có thẩm quyền quản lý trật tự xây dựng theo Điều 5 của Quy định này khi phê duyệt dự án, cấp phép xây dựng các công trình.

2. Cơ quan quản lý đất đai có trách nhiệm cung cấp thông tin về đất đai liên quan đến vị trí thửa đất công trình xây dựng được kiểm tra và liên kê cho cơ quan quản lý trật tự xây dựng theo Điều 5 của Quy định này khi có yêu cầu.

3. Cơ quan tổ chức lập quy hoạch xây dựng hoặc quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành có trách nhiệm cung cấp hồ sơ đồ án quy hoạch sau khi được phê duyệt và thông tin quy hoạch khi có yêu cầu cho cơ quan quản lý trật tự xây dựng theo Điều 5 của Quy định này.

4. Cơ quan quản lý các khu vực theo quy định tại khoản 3 Điều 12 của Luật Xây dựng năm 2014 có trách nhiệm cung cấp thông tin, tổ chức cắm mốc giới, biển báo các khu vực có yêu cầu bảo vệ (trừ khu vực, công trình bí mật nhà nước) và bàn giao cho chính quyền địa phương quản lý.

5. Người xử phạt vi phạm hành chính có trách nhiệm gửi quyết định xử phạt cho cơ quan cấp phép xây dựng để phối hợp thu hồi giấy phép xây dựng theo quy định tại Điều 101 của Luật Xây dựng năm 2014.

Điều 13. Phân cấp, ủy quyền tiếp nhận thông báo khởi công xây dựng, hồ sơ thiết kế xây dựng theo quy định tại điểm k khoản 2 Điều 89 của Luật Xây dựng năm 2014 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 30 Điều 1 của Luật số 62/2020/QH14

1. Ủy quyền cho các sở, ban, ngành tỉnh:

a) Sở Xây dựng tiếp nhận thông báo khởi công xây dựng, hồ sơ thiết kế xây dựng đối với các công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh do các cơ quan, đơn vị cấp Trung ương và các sở, ban, ngành tỉnh làm chủ đầu tư hoặc thẩm định thiết kế xây dựng;

b) Các sở: Giao thông vận tải, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Công Thương tiếp nhận thông báo khởi công xây dựng, hồ sơ thiết kế xây dựng đối với các công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh (thuộc chuyên ngành quản lý) do các cơ quan, đơn vị cấp Trung ương và các sở, ban, ngành tỉnh làm chủ đầu tư hoặc thẩm định thiết kế xây dựng;

c) Ban Quản lý Khu kinh tế Phú Yên; Ban Quản lý Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Phú Yên tiếp nhận thông báo khởi công xây dựng, hồ sơ thiết kế xây dựng theo quy định đối với các công trình xây dựng thuộc phạm vi được ủy quyền quản lý (trừ nhà ở riêng lẻ).

2. Phân cấp cho Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã tiếp nhận thông báo khởi công xây dựng, hồ sơ thiết kế xây dựng tất cả các công trình xây dựng trên địa bàn quản lý.

Điều 14. Báo cáo công tác quản lý trật tự xây dựng

1. Nội dung báo cáo công tác quản lý trật tự xây dựng theo biểu mẫu ban hành kèm theo Quy định này.

2. Chế độ báo cáo:

a) Ủy ban nhân dân cấp xã báo cáo định kỳ quý I, 06 tháng, 09 tháng, năm hoặc đột xuất khi có yêu cầu cho Ủy ban nhân dân cấp huyện (thông qua cơ quan được giao quản lý xây dựng trực thuộc);

b) Ban Quản lý Khu kinh tế Phú Yên, Ban Quản lý Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Phú Yên và Ủy ban nhân dân cấp huyện báo cáo định kỳ quý I, 06 tháng, 09 tháng, năm hoặc đột xuất khi có yêu cầu cho Ủy ban nhân dân tỉnh (thông qua Sở Xây dựng);

c) Sở Xây dựng báo cáo định kỳ 06 tháng, hằng năm hoặc đột xuất khi có yêu cầu cho Ủy ban nhân dân tỉnh.

3. Thời gian chốt số liệu báo cáo:

a) Thời gian chốt số liệu đối với báo cáo định kỳ quý I, 06 tháng và hằng năm theo quy định tại Điều 12 Nghị định số 09/2019/NĐ-CP ngày 24 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ;

b) Thời gian chốt số liệu báo cáo 09 tháng: Tính từ ngày 15 tháng 12 năm trước kỳ báo cáo đến ngày 14 tháng 9 của kỳ báo cáo.

4. Thời hạn gửi báo cáo:

a) Ủy ban nhân dân cấp xã gửi báo cáo đến Ủy ban nhân dân cấp huyện tổng hợp chậm nhất vào ngày 17 của tháng cuối kỳ báo cáo;

b) Ban Quản lý Khu kinh tế Phú Yên, Ban Quản lý Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Phú Yên và Ủy ban nhân dân cấp huyện gửi báo cáo đến Sở Xây dựng tổng hợp chậm nhất vào ngày 20 của tháng cuối kỳ báo cáo;

c) Sở Xây dựng gửi báo cáo định kỳ về Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh) chậm nhất vào ngày 25 của tháng cuối kỳ báo cáo.

Chương III **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Điều 15. Phân công trách nhiệm

1. Sở Xây dựng có trách nhiệm tổ chức phổ biến, hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện các nội dung theo Quy định này.

2. Các sở, ban, ngành tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã có trách nhiệm tổ chức phổ biến và triển khai thực hiện Quy định này đến các cơ quan, tổ chức, cá nhân trực thuộc và thường xuyên kiểm tra, giám sát việc thực hiện; đảm bảo thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ theo Quy định này.

3. Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã có trách nhiệm tổ chức tuyên truyền, phổ biến rộng rãi nội dung Quy định này đến tổ chức, cá nhân hoạt động đầu tư, xây dựng và nhân dân trên địa bàn để thực hiện và giám sát.

4. Ngân hàng nhà nước có trách nhiệm triển khai Quy định này đến các đơn vị trực thuộc để phối hợp thực hiện.

Điều 16. Điều khoản thi hành

1. Các nội dung khác có liên quan không được quy định trong Quy định này thì thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh vấn đề khó khăn, vướng mắc, bất cập, các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh về Sở Xây dựng để được hướng dẫn hoặc báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

PHỤ LỤC

(Ban hành kèm theo Quyết định số .../2022/QĐ-UBND
ngày tháng năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên)

BÁO CÁO CÔNG TÁC QUẢN LÝ TRẬT TỰ XÂY DỰNG
KỶ BÁO CÁO:

	Đơn vị	Mã số	Thực hiện cùng kỳ năm trước	Thực hiện trong kỳ báo cáo
A	B	C	1	2
I. Tổng số công trình khởi công xây dựng	Công trình	01		
1. Công trình thuộc dự án	Công trình	02		
1.1. Công trình xây dựng sử dụng vốn khác	Công trình	03		
1.2. Công trình khác ⁽¹⁾	Công trình	04		
2. Nhà ở riêng lẻ	Công trình	05		
II. Tổng số công trình đã kiểm tra	Công trình	06		
1. Công trình thuộc dự án	Công trình	07		
1.1. Công trình xây dựng sử dụng vốn khác	Công trình	08		
1.2. Công trình khác ⁽¹⁾	Công trình	09		
2. Nhà ở riêng lẻ	Công trình	10		
III. Kết quả kiểm tra, xử lý, thi hành				
1. Tổng số công trình vi phạm quy định về trật tự xây dựng	Công trình	11		
1.1. Không phép	Công trình	12		
1.2. Sai phép	Công trình	13		
1.3. Vi phạm khác	Công trình	14		
2. Kết quả xử lý				
2.1. Tổng số quyết định xử phạt	Quyết định	15		
Trong đó:				
2.1.1. Tổng số tiền xử phạt	tr.đồng	16		
2.1.2. Tổng số giấy phép xây dựng bị thu hồi	GPXD	17		

⁽¹⁾ Bao gồm công trình xây dựng thuộc dự án đầu tư xây dựng có vốn đầu tư công (theo quy định tại Luật Đầu tư công), ngoài vốn đầu tư công và các công trình khác (trừ công trình xây dựng thuộc dự án đầu tư xây dựng có nguồn vốn khác và nhà ở riêng lẻ).

2.1.3. Tổng số giấy phép xây dựng bị tước	GPXD	18		
2.1.4. Tổng số tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tịch thu (nếu có)	Tang vật, phương tiện	19		
2.1.5. Tổng số công trình bị áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả buộc phá dỡ công trình vi phạm	Công trình	20		
2.2. Tổng số quyết định cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt	Quyết định	21		
Trong đó:				
2.2.1. Số quyết định cưỡng chế thi hành nộp tiền phạt	Quyết định	22		
2.2.2. Số quyết định cưỡng chế thi hành phá dỡ công trình vi phạm	Quyết định	23		
2.2.3. Số quyết định cưỡng chế thi hành nộp tiền phạt và phá dỡ công trình vi phạm	Quyết định	24		
3. Kết quả thi hành				
3.1. Tổng số quyết định xử phạt đã thi hành xong hình thức phạt tiền	Quyết định	25		
3.2. Tổng số tiền xử phạt đã thi hành	tr.đồng	26		
3.3. Tổng số quyết định xử phạt đã thi hành xong biện pháp khắc phục hậu quả buộc phá dỡ công trình vi phạm	Quyết định	27		

....., ngày ... tháng ... năm ...

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, đóng dấu, họ tên)

Nơi nhận:

-
- Lưu:.....